

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 499/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-12-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị Trần Thị Thu T và anh
Trần Nhật T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Anh Tuấn

2. Bà Trần Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Hạnh – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 426/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1994; CCCD: 036194021111; địa chỉ đăng ký thường trú: Số 7 đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Số 56/231 đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Trần Nhật T, sinh năm 1995; CCCD: 087095006734; địa chỉ đăng ký thường trú: Tổ 15, khóm 2, phường 4, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ cư trú: Số 712 Tân Việt H, ấp Th, xã T, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

(Tại phiên tòa chị T và anh T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 11-11-2024, bản tự khai ngày 14-11-2024, nguyên đơn là chị Trần Thị Thu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Nhật T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 01-8-2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ: số 56/231 đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định được hơn ba năm. Trong quá trình chung sống, do tính chất công việc nên anh T vào thành phố L, tỉnh Đồng Tháp để làm ăn, bắt đầu từ thời điểm đó anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do khoảng cách về địa lý, vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Chị đã tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên nhiều năm nay vợ chồng đã ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Trần Nhật T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Nguyên Kh, sinh ngày 13-02-2020 hiện đang ở với chị. Quan điểm của chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 02-12-2024 và đơn xin vắng mặt ngày 02-12-2024 (có chứng thực của UBND phường 4, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp) bị đơn là anh Trần Nhật T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận điều kiện kết hôn như chị Trần Thị Thu T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do không hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 12-2022 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi không quan tâm tới nhau. Chị T đã nói chuyện với anh về việc giải quyết ly hôn, quan điểm của anh là nhất trí ly hôn với chị T. Anh và chị T nhất trí lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố N là nơi giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị T.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 1 con chung như chị T trình bày. Nếu ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu đang ở với chị T. Về cấp dưỡng nuôi con: anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại đơn đề nghị ngày 03-12-2024 của chị Trần Thị Thu T (có xác nhận của chính quyền địa phương) trình bày: Chị Trần Thị Thu T và anh Trần Nhật T

có đăng ký kết hôn vào ngày 01-8-2019 tại UBND phường 4, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại địa chỉ số 56/231 đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định. Do tính chất công việc vào năm 2022 anh T vào thành phố L, tỉnh Đồng Tháp làm việc và từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến việc anh chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi. Anh chị có 01 con chung là Trần Nguyên Kh, sinh ngày 13-02-2020.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu T và anh Trần Nhật T. Về con chung: Căn cứ các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Trần Nguyên Kh, sinh ngày 13-02-2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Nhật T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/tháng kể từ tháng 12-2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: anh chị không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị T và anh T phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị Thu T và anh Trần Nhật T làm đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Thu T và anh Trần Nhật T.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu T và anh Trần Nhật T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2019 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Mặc dù anh chị đã tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả dẫn đến việc vợ chồng ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa chị T và anh T có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử lý hôn giữa chị Trần Thị Thu T và anh Trần Nhật T.

2.2 Về con chung: Chị Trần Thị Thu T và anh Trần Nhật T có 01 con chung là Trần Nguyên Kh, sinh ngày 13-02-2020. Xét thấy chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khang, chị T và anh T đều có quan điểm thống nhất giao cháu Khang cho chị T nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử giao cháu Trần Nguyên Kh cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị thống nhất anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu thiết yếu và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Trần Nguyên Kh nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị.

2.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4 Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị Thu T và anh Trần Nhật T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Thu T và anh Trần Nhật T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Trần Nguyên Kh, giới tính: Nam, sinh ngày 13-02-2020. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Nhật T cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/tháng kể từ tháng 12-2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Trần Nhật T vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con:

Chị Trần Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002428 ngày 11 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định. Anh Trần Nhật T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Chị Trần Thị Thu T và anh Trần Nhật T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường 4, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Hiền